

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST

Ngày 08-03-2023

V/v “Tranh chấp dân sự về
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Châu;
2. Ông Trương Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa:
Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2021, về việc “Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1967;

- Bị đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: ấp T1, xã T2, thành phố H, Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Tấn Đ – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn H1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H;

2. Phạm Văn T3, sinh năm 1971;
3. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1973;
Địa chỉ: xã Thường P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.
4. Ông Lê Văn L1, sinh năm 1967;
Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện T4, tỉnh Đồng Tháp.
5. Bà Lê Thị L2, sinh năm 1982;
Địa chỉ: ấp M, xã M1, thành phố X, tỉnh An Giang.
6. Bà Lê Thị D, sinh năm 1977;
Địa chỉ: ấp L1, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.
7. Anh Lê Thanh P1, sinh năm 1983;
Địa chỉ: ấp L2, xã G, huyện C, tỉnh An Giang.
8. Ông Lê Văn O, sinh năm 1944;
Địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện P3, tỉnh An Giang.
9. Ông Lê Văn G1, sinh năm 1957;
Địa chỉ: khóm A1, phường A, thành phố H, Đồng Tháp.
10. Bà Đặng Cà N, sinh năm 1988;
Địa chỉ: ấp T1, xã T2, thành phố H, Đồng Tháp.
11. Bà Lê Thùy T4, sinh năm 1978;
Địa chỉ: ấp T1, xã T2, thành phố H, Đồng Tháp.
12. Ông Lê Chí B, sinh năm 1983;
13. Bà Lê Thị T4, sinh năm 1987;
14. Bà Lê Thị M, sinh năm 1985;
15. Anh Lê Phước S, sinh năm 2000;
Cùng địa chỉ: ấp T1, xã T2, thành phố H, Đồng Tháp.
16. Ông Lê Văn H3, sinh năm 1987;
Địa chỉ: huyện Trần V, tỉnh Cà Mau;
17. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1967;
18. Bà Lê Thị M, sinh năm 1983;
Cùng địa chỉ: ấp T1, xã T2, thành phố H, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:* Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông bà nội là Lê Văn N (chết năm 1980) và bà Nguyễn Thị H (chết năm 2006) tặng cho cha ông là ông Lê Văn Đ (chết năm 2013), cha ông chết để lại cho ông. Việc tặng cho này không có làm giấy tờ vì cha mẹ cho con, cha ông quản lý, sử dụng và hiện nay là ông đang quản lý sử dụng đã trên 50 năm. Cha ông không có con nên nhận ông làm con

nuôi từ lúc nhỏ, ngoài ra cha ông không còn người con nào khác. Diện tích đất mà cha ông để lại gồm đất nền nhà và 02 cái ao liền giáp ranh nhau, có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 887m².

Do cha ông thường xuyên đi làm ăn xa và cũng nghĩ là đất của mình rồi nên khi nào đi đăng ký cấp giấy chứng nhận QSD đất cũng được. Năm 2020 do căn nhà của ông do cha để lại quá cũ và xuống cấp, nên ông sửa và xây mới nhà lại, lúc này ông Lê Văn Q (Chồng bà Phan Thị H, hiện ông Q đã chết) qua nhà đòi tiền đất, ông bất ngờ không hiểu lý do vì sao. Sau khi lời qua tiếng lại thì ông mới hiểu và biết được diện tích đất mà ông đang ở do cha ông để lại thì ông Q lén lúc đã đi đăng ký cấp giấy chứng nhận QSD đất, khi ông Q tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất thì gia đình ông không hay biết gì. Sau đó ông đã qua gặp ông Q nhiều lần để yêu cầu ông Q làm thủ tục sang tên chuyển QSD đất lại cho ông, nhưng ông Q không đồng ý. Đầu năm 2021 ông Q chết, sau đó ông tiếp tục yêu cầu bà H cùng các con làm thủ tục sang tên chuyển QSD đất cho ông, nhưng bà H và các con bà cũng không thống nhất thực hiện.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận QSD cho ông diện tích đất là 887m², đất thuộc một phần thửa 193 và một phần thửa 206, cùng tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Tân Hòa Thuận, xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Diện tích đất tại các vị trí I, II, III, IV, V, VI, thuộc phạm vi các mốc 1, 2, 12, 11, 10, 9, 8, 15, 7, 6, 5, 4 và 1 theo Sơ đồ đo đạc số 15, ngày 06/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự. Trong đó có diện tích 563,8m² thuộc một phần thửa 193, tờ bản đồ số 03 thì hiện nay do ông Lê Văn Q (chết) đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất, ông yêu cầu thu hồi một phần giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho ông Q để cấp lại cho ông theo quy định pháp luật và 323,2m² thuộc một phần thửa 206, đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, thì ông yêu cầu Tòa án công nhận QSD cho ông để ông đi đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định pháp luật.

Nếu trong trường hợp bị đơn bà Huệ thống nhất hai bên hòa giải thành với nhau thì ông thống nhất nhận diện tích đất chạy thẳng liền ranh với nhau, có diện tích là 509,6m², tại các vị trí Ia, Ib, IIa, IIb, IIIa, IIIb, IVb, IVc, Vb, Vc, VIb, VIc thuộc phạm vi các mốc 1, 2, 12, 11, 22, 23, 24, 25, 7, 6, 5, 16, 4 và 1 theo Sơ đồ đo đạc bổ sung của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự. Đối với phần diện tích đất tranh chấp còn lại thì ông thống nhất không tranh chấp, ông cho bà Huệ luôn.

Ông thống nhất với các Sơ đồ đo đạc và giá trị tài sản tranh chấp theo giá của Hội đồng định giá. Ngoài ra ông không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- *Bị đơn trình bày:* Bà chỉ thống nhất một phần theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T. Nguồn gốc phần đất tranh chấp này là của cha mẹ chồng bà là ông là Lê Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị Hn (chết) để lại cho chồng bà là ông Lê Văn Q (chết 2021) và hiện chồng bà là người đại diện hộ đứng tên trong Giấy chứng nhận QSD đất. Khi còn sống thì cha mẹ chồng bà cũng có tặng cho ông Lê Văn Đạt là cha của ông Thành một phần đất, nay ông Đạt chết nên để lại cho ông Thành, nhưng hiện nay phần đất này vẫn còn do chồng bà đứng tên trong Giấy chứng nhận QSD đất. Nay bà thống nhất sang tên chuyển QSD đất cho ông Lê Văn Thành phần đất đã được tặng cho này tại 02 (Hai) vị trí cụ thể như sau:

Thứ nhất, là nền nhà mà hiện ông Lê Văn Thành đang quản lý, sử dụng tại vị trí số I và II theo Sơ đồ đo đạc số 15, ngày 06/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự, nhưng trong phần đất này thì bà chỉ thống nhất sang tên QSD đất cho ông Thành phần đất có chiều ngang là 04m tính từ mốc 1 đo qua mốc 4 và mốc 2 đo qua mốc 3 là 04m. Còn phần diện tích 04m ngang còn lại trong phần đất này là phần ăn của ông Lê Văn Tường (Tường), ông Tường là con của ông Lê Văn Lý (ông Lý là anh của chồng bà), nên ông Tường tự quyết định đối với phần diện tích đất này, nếu ông Tường thống nhất sang tên QSD đất cho ông Thành thì bà cũng thống nhất, còn nếu ông Tường không thống nhất thì tùy theo quyền quyết định của ông Tường. Phần diện tích còn lại của phần đất này là của bà bị ông Thành lấn chiếm, vì tại vị trí này đất của ông Thành và ông Tường mỗi người chỉ có 04m chiều ngang thôi.

Thứ hai, là phần đất ao phía sau tại vị trí V theo Sơ đồ đo đạc số 15, ngày 06/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự. Còn đối với phần đất tại vị trí IV và VI là của bà, không phải của ông Thành, vì trên phần đất này có các cây trồng của bà, nên bà không thống nhất sang tên cho ông Thành phần đất này.

Đối với diện tích đất tại vị trí III theo Sơ đồ đo đạc số 15, ngày 06/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự hiện là cái ao, thì đây là đất của bà, hiện bà cho con là anh Lê Chí Tâm nuôi cá, vì phần đất này là của bà do chồng bà chết để lại và hiện bà là người quản lý, sử dụng phần đất này từ trước tới nay, nên bà không thống nhất sang tên cho ông Thành phần đất này. Từ trước tới nay gia đình ông Thành không có quản lý, sử dụng phần diện tích đất này.

Đối với phần diện tích đất tranh chấp nào chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận QSD cho hộ bà để đi đăng ký, khai khai cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật.

Bà thống nhất với các Sơ đồ đo đạc và giá trị tài sản tranh chấp theo giá của Hội đồng định giá. Ngoài ra bà không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Tường (Tường) trình bày:* Ông không thống nhất theo yêu cầu của ông Lê Văn Thành. Vì nguồn gốc của một phần diện tích đất tranh chấp này là của ông bà nội là ông Lê Văn Ngộ (chết) và bà Nguyễn Thị Quờn (Hườn, chết) để lại cho cha ông là ông Lê Văn Lý có chiều ngang 04m, phần đất 04m này thuộc một phần tại vị trí I và II theo Sơ đồ đo đạc số 15, ngày 06/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự, cụ thể là từ mốc số 5 đến mốc số 6 đo về hướng nhà của ông Thành 04m ngang là diện tích của ông và em ông được hưởng từ phần ăn của cha ông để lại. Việc đất ông, bà để lại cho cha ông này không trực tiếp từ ông, bà, nhưng sau khi ông, bà chết thì các anh em của cha ông thống nhất để lại cho ông phần đất này. Trước đây vào khoảng năm 2000 thì ông Thành có thống nhất trả giá trị cho anh em ông là 30.000.000đ để lấy luôn phần đất này, nhưng ông không thống nhất mà đòi là 70.000.000đ, nên các bên không thống nhất cho tới nay, nay ông không thống nhất nhận tiền nữa mà lấy lại đất. Tuy nhiên, trong vụ án này ông không kiện và ông cũng không làm đơn tranh chấp gì hết, vì phần đất mà ông Lê Văn Thành khởi kiện trong vụ án là phần đất nằm trong một phần đất mà ông, bà ông chết để lại, chết không để lại di chúc và chưa được chia ra, chỉ để tạm cho con cháu quản lý, sử dụng và tạm giao cho ông Que (chồng bà Huệ) đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất thôi. Ông Thành thừa nhận ông không phải là giòng họ vì là con nuôi của ông Đạt thôi, nên việc ông Thành đi kiện tranh chấp đất là sai, ông Thành không có quyền khởi kiện đòi đất, vì đất không phải của ông Thành. Ông Thành có trả bao nhiêu tiền thì ông cũng không thống nhất nữa. Tất cả di sản mà ông bà để lại này thì không ai được quyền tự ý chia ra, sau này các anh em, con cháu sẽ bàn bạc và chia ra cho công bằng và hợp lý, hợp tình, không cá nhân nào được quyền tự quyết định phân chia. Ông không kiện, cũng không làm đơn tranh chấp gì với ai trong vụ án này, ông chỉ trình bày vậy để Tòa án xem xét không giải quyết yêu cầu chia đất của ông Thành, vì ông Thành đi kiện là sai hoàn toàn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn On trình bày:* Phần đất tranh chấp giữa hai bên có nguồn gốc là của cha mẹ ông tên Lê Văn Ngộ (chết) và bà Nguyễn Thị Quờn (chết) để lại. Cha mẹ ông có 08 người con là: 1. Lê Văn Đạt (chết); 2. Lê Văn Ngôn (chết); 3. Lê Văn Lý (chết); 4. Lê Văn Đa (chết); 5. Lê Văn Que (chết); 6. Lê Văn On; 7. Lê Văn Gấu; 8. Lê Thị Lan (chết). Phần đất tranh chấp giữa

ông Thành và bà Huệ này là nằm trong một phần của tổng phần đất mà cha mẹ ông để lại.

Do ông Que (chồng của bà Huệ) sống chung với cha mẹ khi còn sống và con lớn nên để cho ông Que đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất, chứ không phải là đất của ông Que hay của riêng ai. Cha mẹ chết chưa chia thừa kế và khi chết thì cũng không để lại di chúc, tạm giao cho con cháu quản lý cất nhà ở thôi. Ông không kiện và cũng không làm đơn tranh chấp gì hết, vì phần đất mà ông Lê Văn Thành khởi kiện trong vụ án là phần đất nằm trong một phần đất mà cha, mẹ ông chết để lại, chết không để lại di chúc và chưa được chia ra, chỉ để tạm cho con cháu quản lý sử dụng và tạm giao cho ông Que (chồng bà Huệ) đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất thôi. Ông Thành thừa nhận ông không phải là giòng họ vì là con nuôi của ông Đạt thôi, nên việc ông Thành đi kiện tranh chấp đất là sai, ông Thành không có quyền khởi kiện đòi đất, vì đất không phải của ông Thành. Tất cả di sản mà cha mẹ ông bà để lại này không ai được quyền tự ý chia ra, sau này các anh em, con cháu sẽ bàn bạc và chia ra cho công bằng và hợp lý, hợp tình, không cá nhân nào được quyền tự quyết định. Ông không kiện, cũng không làm đơn tranh chấp gì với ai trong vụ án này, ông chỉ trình bày vậy để Tòa án xem xét không giải quyết yêu cầu chia đất của ông Thành, vì ông Thành đi kiện là sai hoàn toàn. Đất của cha mẹ ông để lại chỉ có 01 thửa đất và thuộc thửa 193 thôi, không có thửa 206 như Ủy ban trả lời.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Gấu trình bày:* Phần đất tranh chấp giữa hai bên có nguồn gốc là của cha mẹ ông tên Lê Văn Ngộ (chết) và bà Nguyễn Thị Quởn (chết) để lại. Cha mẹ ông có 08 người con là: 1. Lê Văn Đạt (chết); 2. Lê Văn Ngôn (chết); 3. Lê Văn Lý (chết); 4. Lê Văn Đa (chết); 5. Lê Văn Que (chết); 6. Lê Văn On; 7. Lê Văn Gấu; 8. Lê Thị Lan (chết). Phần đất tranh chấp giữa ông Thành và bà Huệ này là nằm trong một phần của tổng phần đất mà cha mẹ ông để lại.

Do ông Que (chồng của bà Huệ) sống chung với cha mẹ khi còn sống và con lớn nên để cho ông Que đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất, chứ không phải là đất của ông Que hay của riêng ai. Cha mẹ chết chưa chia thừa kế và khi chết thì cũng không để lại di chúc, tạm giao cho con cháu quản lý cất nhà ở thôi. Ông không kiện và cũng không làm đơn tranh chấp gì hết, vì phần đất mà ông Lê Văn Thành khởi kiện trong vụ án là phần đất nằm trong một phần đất mà cha, mẹ ông chết để lại, chết không để lại di chúc và chưa được chia ra, chỉ để tạm cho con cháu quản lý sử dụng và tạm giao cho ông Que (chồng bà Huệ) đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất thôi. Ông Thành thừa nhận ông không phải là giòng họ vì là con nuôi của ông Đạt

thôi, nên việc ông Thành đi kiện tranh chấp đất là sai, ông Thành không có quyền khởi kiện đòi đất, vì đất không phải của ông Thành. Tất cả di sản mà cha mẹ ông bà để lại này không ai được quyền tự ý chia ra, sau này các anh em, con cháu sẽ bàn bạc và chia ra cho công bằng và hợp lý, hợp tình, không cá nhân nào được quyền tự quyết định. Ông không kiện, cũng không làm đơn tranh chấp gì với ai trong vụ án này, ông chỉ trình bày vậy để Tòa án xem xét không giải quyết yêu cầu chia đất của ông Thành, vì ông Thành đi kiện là sai hoàn toàn. Đất của cha mẹ ông để lại chỉ có 01 thửa và thuộc thửa 193 thôi, không có thửa 206 như Ủy ban trả lời.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc Lợi và bà Lê Thị Mộng Thu trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của chồng và cha là ông Thành, không trình bày hay tranh chấp gì trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thùy Trang, ông Lê Chí Tâm, bà Lê Thị Tốt, bà Lê Thị Mỹ Tho, ông Lê Văn Hùng và ông Lê Phước Sang trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của mẹ là bà Huệ, không trình bày hay tranh chấp gì trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Liêm, bà Lê Thị Liễu, bà Lê Thị Diệu, ông Lê Thanh Phương và ông Đặng Cà Nu trình bày:* Phần đất tranh chấp trong vụ án giữa ông Thành và bà Huệ trong vụ án là của ông, bà để lại cho ông Thành hay ông Que (chồng bà Huệ) thì cũng không rõ cho ai, vì đất là của ông Thành hay ông Que, nên hai ông tự quyết định. Yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Thành hay hộ bà Huệ đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất, các ông, bà không trình bày hay tranh chấp gì trong vụ án này.

- *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Thành, công nhận QSD đất cho ông Thành đối với phần diện tích đất tranh chấp là 162m² (tại vị trí I và II trong Sơ đồ đo đạc) và 552,1m² (tại vị trí IV, V và VI trong Sơ đồ đo đạc), tổng cộng diện tích được chấp nhận là 714,1m². Trong đó có diện tích 496,7m² thuộc một phần thửa 193 và 217,4m² thuộc một phần thửa 206, cùng tờ bản đồ số 03. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích 172,9m² (tại vị trí III trong Sơ đồ đo đạc). Ông Thành được quyền sở hữu các cây trồng trên diện tích đất tranh chấp được công nhận QSD nhưng phải trả giá trị cho bà Huệ theo giá của Hội đồng định giá đã định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất”. Phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp Tân Hòa Thuận, xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, được quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt: Tại phiên tòa có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng họ đã có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc triệu tập hợp lệ lần hai, nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Diện tích đất tranh chấp của vụ án là 887m², trong đó phần diện tích hiện nguyên đơn ông Thành đang quản lý, sử dụng là 586,8m² (Tại vị trí I, II và V theo Sơ đồ đo đạc số 15, ngày 06/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự), bà Huệ đang quản lý, sử dụng diện tích là 300,2m² (Vị trí III, IV và VI theo Sơ đồ đo đạc số 15, ngày 06/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự). Ông Thành sử dụng vào việc xây nhà và bỏ trống, còn bà Huệ thì sử dụng cho ông Tâm (con bà Huệ) nuôi cá và bà trồng cây. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự tại 02 Công văn số: 1017/UBND-HC ngày 19/4/2022 và số: 2243/UBND-HC ngày 26/7/2022 thì phần diện tích tranh chấp này thuộc một phần thửa 193 và một phần thửa 206, cùng tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp Tân Hòa Thuận, xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Trong đó có: Diện tích 563,8m² thuộc một phần thửa 193 hiện nay do ông Lê Văn Que (chết) đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất, việc cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Que theo hình thức công nhận lần đầu vào năm 1995, đến năm 2006 thì hộ ông Que thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất. Khi cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Que thì không có tiến hành đo đạc thực tế và được Ủy ban nhân dân xã xác nhận đất không tranh chấp; Diện tích 323,2m² thuộc một phần thửa 206, thì đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, theo sổ mục kê thì chưa có tên chủ sử dụng đất, diện tích đất này người sử dụng đất được kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận QSD đất, nhưng việc cấp giấy phải đảm bảo các quy định tại Điều 100 và 101 của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn.

Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự đều thống nhất phần diện tích đất tranh chấp là của ông bà để lại. Nguyên đơn ông Thành trình bày cho rằng tổng diện tích đất tranh chấp này do ông bà để lại cho cha ông, cha chết để lại cho ông, từ khi ông, bà cho thì cha ông và sau này ông là người đã quản lý, sử dụng ổn định, không biết lý do vì sao mà đất được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Que (Chồng bà Huệ). Bị đơn bà Huệ trình bày do vợ chồng bà sống chung với cha mẹ chồng nên được cha mẹ chồng tặng cho phần đất này và hiện chồng bà là ông Que (đã chết) là người đại diện cho hộ bà đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất. Trong phần diện tích đất mà chồng bà ông Que được đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất này thì bà cũng thống nhất là có bao gồm luôn phần đất mà trước đó cha mẹ đã cho ông Đạt (ông Đạt là anh ông Que và là cha ông Thành) là nền nhà diện tích ngang 04m, dài 16m và cái ao phía sau, nên nay bà chỉ thống nhất làm thủ tục sang tên QSD đất cho ông Thành phần đất đã được cho này thôi, nhưng phần diện tích bà thống nhất sang tên cho ông Thành là do bà xác định, chứ bà không thống nhất diện tích do ông Thành xác định. Còn phần diện tích đất tranh chấp còn lại thì bà không thống nhất, vì là đất của gia đình bà và có một phần là của Tường (ông Tường là con của ông Lê Văn Lý, ông Lý là anh ông Que và là em ông Đạt), đối với phần diện tích của ông Tường này thì tùy theo ông Tường quyết định.

Xét phần đất tranh chấp ở từng vị trí cụ thể, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Thứ nhất, đối với phần diện tích 162m², hiện có căn nhà của ông Thành (tại vị trí I và II trong Sơ đồ đo đạc số 15, ngày 06/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự). Trong đó thuộc thửa 193, tờ bản đồ số 03 là 26,5m² và thuộc thửa 206, tờ bản đồ số 03 là 135,5m². Phần diện tích này có chiều ngang phía giáp đường nhựa là 8,47m, chiều ngang phía sau hậu là 8,36m. Ông Thành cho rằng diện tích đất này là của ông. Bà Huệ chỉ thống nhất một phần là đất của ông Thành chỉ có chiều ngang hai đầu là 4m, còn 4m ngang còn lại là của ông Tường, còn diện tích dư ra là của bà do ông Thành lấn chiếm, phần của ông Tường thì do ông Tường tự quyết định, còn phần mà ông Thành lấn chiếm là đất của bà nên ông Thành phải trả lại cho bà. Ông Tường trình bày ông không kiện, cũng không làm đơn tranh chấp gì với ai trong vụ án này, các lời trình bày của ông để Tòa án xem xét không giải quyết yêu cầu chia đất của ông Thành, vì ông Thành đi kiện là sai hoàn toàn. Nhận thấy phần diện tích đất tranh chấp này hiện do ông Thành là người quản lý, sử dụng xây dựng nhà ở ổn định, việc xây dựng nhà là từ cha của ông Thành và sau này là ông Thành, việc này được các đương sự đều thống nhất. Ông Tường và bà Huệ trình bày không được ông Thành chấp nhận và bà Huệ cũng không đưa ra chứng cứ

chứng minh lời trình bày cho rằng ông Thành lấn chiếm đất của mình là có căn cứ, vì sau khi Tòa án đo đạc đất tranh chấp thì bà xem diện tích trong Sơ đồ đo đạc thì mới biết đất ông Thành đang sử dụng dư ra, chứ từ trước tới nay khi cha ông Thành và ông Thành quản lý, sử dụng phần đất này thì bà không tranh chấp, không ý kiến hay khiếu nại gì. Đối với ông Tường trình bày thì trong phần đất này mình có 4m ngang, tuy nhiên nhận thấy khi ông Thành xây dựng nhà ở kiến cổ và quá trình gia đình ông Thành quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp này thì ông Tường cũng không có ý kiến phản đối, tranh chấp hay khiếu nại gì. Đồng thời trong vụ án này ông Tường cũng thống nhất không làm đơn khởi kiện tranh chấp để yêu cầu ông Thành trả lại diện tích đất mà cho rằng là của mình (Tòa án có giải thích pháp luật cho ông Tường, nhưng ông Tường vẫn không thống nhất thực hiện các thủ tục khởi kiện yêu cầu tranh chấp). Như vậy, từ những phân tích trên về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất thì yêu cầu khởi kiện của ông Thành là có căn cứ để chấp nhận đối với diện tích đất tranh chấp này.

Thứ hai, đối với phần diện tích 172,9m², thì hiện phần diện tích đất này bà Huệ là người đang quản lý, sử dụng nuôi cá (tại vị trí III trong Sơ đồ đo đạc số 15, ngày 06/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự). Trong đó thuộc thửa 193 là 67,1m², thửa 206 là 105,8m². Theo lời trình bày của ông Thành thì phần diện tích tranh chấp này do ông bà để lại cho cha mình và cha mình là người quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và lời trình bày của các đương sự trong vụ án trong đó có ông Thành, thì phần diện tích đất tranh chấp này hiện nay do bà Huệ sử dụng nuôi cá, việc nuôi cá này từ trước tới nay (Hiện ông Tâm con bà Huệ nuôi cá), ông Thành không có quản lý, sử dụng phần diện tích đất này. Ông Thành trình bày nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và không được bà Huệ chấp nhận. Như vậy, từ những phân tích về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất thì yêu cầu khởi kiện của ông Thành đối với diện tích đất tranh chấp này là không có căn cứ để chấp nhận. Hộ bà Huệ được tiếp tục quản lý, sử dụng đối với diện tích phần đất này và được đi đăng ký kê khai để cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất thuộc thửa 206, tờ bản đồ số 03 là 105,8m².

Thứ ba, đối với phần diện tích 552,1m² (tại vị trí IV, V và VI trong Sơ đồ đo đạc số 15, ngày 06/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự), hiện ông Thành và Huệ cùng đang quản lý, trong đó ông Thành quản lý, sử dụng tại vị trí V, bà Huệ quản lý, sử dụng IV và VI. Trong diện tích đất này thuộc

thửa 193 là 470,2m², thuộc thửa 206 là 81,9m². Ông Thành và bà Huệ đều thống nhất phần diện tích này là của ông Thành, tuy nhiên bà Huệ cho rằng diện tích của ông Thành không nhiều như vậy mà trong quá trình sử dụng lấn chiếm thêm của đất của bà, nên bà chỉ thống nhất sang tên QSD đất cho ông Thành diện tích là 424,8m² (tại vị trí V), còn diện tích 18,3m² (tại vị trí IV) và diện tích 109m² (tại vị trí VI) bà không thống nhất, vì là đất của bà. Nhận thấy, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì phần diện tích 424,8m² (tại vị trí V) hiện trạng là ao và theo các bên đương sự trình bày thì phần diện tích đất mà bà Huệ trình bày cho rằng ông Thành lấn chiếm là bờ của cái ao này khi mới hình thành, như vậy phần diện tích đất tại vị trí số IV và VI này cũng thuộc một phần cái ao của ông Thành, vì các bên đương sự trình bày thì khi ông bà cho thì cho cái ao, chứ không có tiến hành đo đạc cắm mốc ranh cụ thể. Như vậy, từ những phân tích trên về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất thì yêu cầu khởi kiện của ông Thành là có căn cứ để chấp nhận đối với diện tích đất tranh chấp này.

Như vậy, từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Thành là có cơ sở để chấp nhận một phần. Cụ thể diện tích đất của ông Thành được chấp nhận là 162m² (tại vị trí I và II trong Sơ đồ đo đạc số 15, ngày 06/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự) và 552,1m² (tại vị trí IV, V và VI trong Sơ đồ đo đạc số 15, ngày 06/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự), tổng cộng diện tích được chấp nhận là 714,1m². Trong đó có diện tích 496,7m² thuộc một phần thửa 193 và 217,4m² thuộc một phần thửa 206, cùng tờ bản đồ số 03. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích 172,9m² (tại vị trí III trong Sơ đồ đo đạc số 15, ngày 06/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự).

[3] Ông Thành trình bày, trong trường hợp bà Huệ thống nhất hai bên hòa giải thì ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết công nhận QSD đất cho ông diện tích đất cho tiếp giáp và liền ranh với nhau để thuận tiện trong quá trình sử dụng. Diện tích đất mà ông yêu cầu Tòa án xem xét công nhận cho ông là 509,6m², thuộc phạm vi các mốc 1, 2, 12, 11, 22, 23, 24, 25, 7, 6, 5, 16, 4 và 1 (Vị trí Ia, Ib, IIa, IIb, IIIa, IIIb, IVb, IVc, Vc, Vb, VIb và VIc theo Sơ đồ đo đạc bổ sung), phần diện tích đất tranh chấp còn lại thì ông thống nhất là của bà Huệ, ông không tranh chấp. Nhận thấy, bà Huệ không thống nhất với trình bày và yêu cầu này của ông Thành, các bên không hòa giải thống nhất thỏa thuận được nên Tòa án không ghi nhận được sự tự nguyện thỏa thuận này.

[4] Đối với các cây trồng trên diện tích đất mà Tòa án đã công nhận cho ông Thành nêu trên, tại diện tích 552,1m² (vị trí IV, V và VI trong Sơ đồ đo đạc số 15, ngày 06/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự) thì có các cây trồng của bà Huệ cụ thể là: 12 cây me tây (còng), 05 cây me nước, 01 cây gòn. Đối với diện tích 162m² (tại vị trí I và II trong Sơ đồ đo đạc số 15, ngày 06/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự) thì không có cây trồng. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với các cây trồng này thì các đương sự thống nhất là của bà Huệ trồng, nay Tòa án công nhận QSD đất cho ông Thành, để đảm bảo cho việc thi hành án và quá trình sử dụng đất sau này nên giao các cây trồng của bà Huệ này cho ông Thành được quyền sở hữu, ông Thành phải trả giá trị lại cho bà Huệ theo giá trị của Hội đồng định giá đã định là 8.160.000đ.

[5] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tường, ông Lâm, ông Gấu và ông On: Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Tường, ông On và ông Gấu có trình bày ý kiến của mình liên quan đến phần đất tranh chấp, Tòa án đã giải thích các quy định pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Đại diện Viện kiểm sát cũng giải thích các quy định của pháp luật có liên quan đến ý kiến trình bày này của các ông, nhưng ông Tường, ông Gấu và ông On vẫn giữ nguyên ý kiến của mình là không kiện, cũng không làm đơn tranh chấp gì đối với phần đất tranh chấp này đối với ai trong vụ án này, các ông trình bày ý kiến của mình vậy chỉ để Tòa án xem xét không giải quyết yêu cầu khởi kiện chia đất của ông Thành, vì việc ông Thành đi kiện đòi đất là sai hoàn toàn. Đối với ông Lâm thì không có ý kiến. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết các yêu cầu như ý kiến trình bày của các ông có liên quan đến phần đất tranh chấp.

[6] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận như phân tích ở trên.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Thành được chấp nhận một phần, nên ông phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần không chấp nhận là 300.000đ và 408.000đ tiền án phí đối với việc bồi thường các cây trồng cho bà Huệ. Tổng cộng tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Thành phải chịu là 708.000đ. Bà Huệ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật đối với yêu cầu của ông Thành được chấp nhận, nhưng bà Huệ là người cao tuổi nên được miễn nộp theo quy định pháp luật. Các đương sự khác còn lại trong vụ án không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp tổng cộng là 4.109.000đ. Do yêu cầu khởi kiện của ông Thành được chấp nhận một phần, nên ông Thành phải chịu là 50%, bà Huệ phải chịu 50% chi phí này. Vậy bà Huệ phải hoàn trả lại cho ông Thành số tiền chi phí tố tụng này là 2.054.500đ, do ông Thành đã nộp tạm ứng chi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 157, 165, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 179, 180, 183 và 263 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26, 100, 101 và 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Thành.

Công nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất 714,1m² (Cụ thể: Diện tích 162m² tại vị trí I và II thuộc phạm vi các mốc 1, 2, 3, 6, 5, 4 và 1; Diện tích 552,1m² tại vị trí IV, V và VI thuộc phạm vi các mốc 12, 11, 10, 9, 8, 15, 7, 13, 14 và 12 trong Sơ đồ đo đạc số 15, ngày 06/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự), trong đó có diện tích 496,7m², thuộc một phần thửa 193, tờ bản đồ số 03, hiện do ông Lê Văn Que (chết, người trong hộ và là người thừa kế của ông Lê Văn Que là bà Phan Thị Huệ, bà Lê Thùy Trang, ông Lê Chí Tâm, bà Lê Thị Mỹ Tho, ông Lê Văn Hùng và ông Lê Phước Sang) đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất và diện tích 217,4m², thuộc một phần thửa 206, tờ bản đồ số 03, chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, tọa lạc tại ấp Tân Hòa Thuận, xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp cho ông Lê Văn Thành được quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp thu hồi một phần giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích 496,7m², thuộc một phần thửa 193, tờ bản đồ số 03, hiện do ông Lê Văn Que (chết, người trong hộ và là người thừa kế của ông Lê Văn Que là bà Phan Thị Huệ, bà Lê Thùy Trang, ông Lê Chí Tâm, bà Lê Thị Mỹ Tho, ông Lê Văn Hùng và ông Lê Phước Sang) đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất đã công nhận QSD đất cho ông Lê Văn Thành nêu trên để cấp lại cho ông Lê Văn Thành theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Văn Thành được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai, điều chỉnh đối với toàn bộ diện tích đất đã được công nhận quyền sử dụng nêu trên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Thành về việc yêu cầu công nhận QSD đối với phần đất có diện tích 172,9m² (thuộc phạm vi các mốc 2, 12, 13, 7, 6, 3 và 2, tại vị trí III trong Sơ đồ đo đạc số 15, ngày 06/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự). Trong đó thuộc thửa 193, tờ bản đồ số 03, hiện do ông Lê Văn Que (chết, người trong hộ và là người thừa kế của ông Lê Văn Que là bà Phan Thị Huệ, bà Lê Thùy Trang, ông Lê Chí Tâm, bà Lê Thị Mỹ Tho, ông Lê Văn Hùng và ông Lê Phước Sang) đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất là 67,1m² và thuộc thửa 206, tờ bản đồ số 03, chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất là 105,8m². Đất tọa lạc tại ấp Tân Hòa Thuận, xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Hộ bà Phan Thị Huệ (Gồm bà Phan Thị Huệ, bà Lê Thùy Trang, ông Lê Chí Tâm, bà Lê Thị Mỹ Tho, ông Lê Văn Hùng và ông Lê Phước Sang) được quyền sử dụng toàn bộ diện tích phần đất này và được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai, điều chỉnh đối với diện tích đất đã được công nhận quyền sử dụng này trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Buộc ông Lê Văn Thành phải trả giá trị cây trồng trên đất cho bà Phan Thị Huệ số tiền là 8.160.000đ (Tám triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ông Lê Văn Thành được quyền sở hữu các cây trồng trên diện tích đất được công nhận QSD là 552,1m² (tại vị trí IV, V và VI trong Sơ đồ đo đạc số 15, ngày 06/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Kèm theo Bản án này là Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/10/2021 và ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Sơ đồ đo đạc số 15/2021/SĐĐĐ/VPDKĐĐTPHN ngày 06/12/2021 và Sơ đồ đo đạc bổ sung số 28/2022/SĐĐĐ/VPDKĐĐTPHN bổ sung cho sơ đồ đo đạc số 15/2021/SĐĐĐ/VPDKĐĐTPHN của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Ông Lê Văn Thành phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 708.000đ (Bảy trăm lẻ tám nghìn đồng). Tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Thành đã nộp là 2.892.500đ theo biên lai thu số 0008955 ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Ông Thành được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 2.184.500đ.

Bà Huệ là người cao tuổi nên được miễn nộp theo quy định pháp luật

Các đương sự khác còn lại trong vụ án không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp tổng cộng là 4.109.000đ. Ông Lê Văn Thành phải chịu là 2.054.500đ (Đã nộp tạm ứng và chi xong). Bà Phan Thị Huệ phải chịu 2.054.500đ (Hai triệu không trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm đồng) để hoàn trả lại cho ông Lê Văn Thành, do ông Thành đã nộp tạm ứng chi.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Huỳnh Anh